

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2023/DS-PT

Ngày: 19/4/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng dân
sự về mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thế Mạnh

Bà Trần Thị Chơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Ông Cao phương Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 129/2022/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 53A/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Kim L, sinh năm 1969 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn T (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Ngọc T1, sinh năm 1964.

Nơi cư trú: Tổ M, khu phố B, thị trấn K, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1969 và ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: Tổ H, khu phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964 (chồng bà L chết ngày 09/3/2023);

Hộ khẩu thường trú: Tổ D, khu phố A, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố X, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn C gồm có:

3.1.1. Bà Phan Thị Kim L, sinh năm 1969 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn T (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

3.1.2. Anh Nguyễn Tấn T, sinh năm 1997 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ B, khu phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

3.1.3. Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 2001 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ S, khu phố X, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn C là bà Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1964 (có mặt).

Nơi cư trú: Tổ M, khu phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang, (theo hợp đồng ủy quyền ngày 10/4/2023).

3.2. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1990 (con bà T, ông L có mặt);

Địa chỉ: Khu phố K, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Tổ A, khu phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị Thu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị Kim L do người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Ngọc T1 trình bày:**

Giữa bà L và bà T có mối quan hệ mua bán với nhau, bà L kinh doanh xăng dầu và bà T có đánh bắt hải sản. Do đó bà T liên hệ mua nhiên liệu để sử dụng cho các phương tiện đánh bắt hải sản.

Bà T thường mua dưới hình thức gởi đầu nhưng khoảng một thời gian thì bà T không thanh toán sau mỗi chuyến. Chồng bà L là ông Nguyễn Văn C có đến gặp bà T để chốt nợ còn lại số tiền 296.317.350đ từ năm 2019 (tuy nhiên trong biên nhận đề là ngày 31/7/2016), bà T có viết giấy xác nhận nợ, bà T còn cam kết trả mỗi tháng định kỳ vào ngày 28 là 10.000.000đ. Bà T đã trả được 10.000.000đ và không trả nữa mặc dù nguyên đơn đã nhắc nhở vợ chồng ông L, bà T trả nợ nhưng ông bà không trả.

Bà T, ông L đã bán nhà cho người khác nhưng cũng không trả nợ cho doanh nghiệp. Vừa qua bà T, ông L đã làm thủ tục tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất của ông bà do bà T đứng tên cho con gái là Nguyễn Thị D, thấy ông bà cố tình không trả nợ và có

dầu hiệu tàu tán tài sản nên doanh nghiệp khởi kiện. Tính đến thời điểm hiện nay bà T, ông L còn nợ lại nguyên đơn tổng số tiền gốc là 286.317.350đ (296.317.350đ – 10.000.000đ).

Nay bà L - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn T yêu cầu vợ chồng bà T, ông L phải trả số tiền còn nợ là 286.317.350đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật, tính lãi từ ngày 28/8/2019 cho đến ngày Tòa án xét xử. Đồng thời yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của vợ chồng bà T ông L là quyền sử dụng đất để đảm bảo cho việc thi hành án.

**** Bị đơn bà Trần Thị Thu T trình bày:***

Bà T thừa nhận còn nợ doanh nghiệp tư nhân Nguyễn T số tiền mua dầu cho ghe đi đánh bắt hải sản là 296.317.350đ từ năm 2019, có làm giấy xác nhận nợ ngày 31/7/2016, bà T đã trả được số tiền 10.000.000đ, còn nợ lại là 286.317.350đ.

Nay bà T xin trả dần theo thời gian hàng tháng, mỗi tháng 4.000.000đ cho nguyên đơn đến khi hết nợ.

Đối với việc Tòa án phong tỏa tài sản là quyền sử dụng đất tọa lạc tại khu phố X, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang của vợ chồng bà, phân đất này vợ chồng bà đã làm thủ tục hợp đồng tặng cho con gái của ông bà là chị Nguyễn Thị D đã được công chứng nay bà không đồng ý để Tòa án phong tỏa tài sản theo yêu cầu của nguyên đơn vì đất này là đất hương hỏa.

Bà không đồng ý trả lãi suất theo yêu cầu của nguyên đơn.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị D trình bày:***

Cha mẹ chị là ông L, bà T có làm thủ tục hợp đồng tặng cho chị quyền sử dụng đất tọa lạc tại khu phố X, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang đã được công chứng tại phòng công chứng. Nay Tòa án có Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong tỏa tài sản này thì chị không đồng ý.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C trình bày:***

Ông là chồng của bà Phan Thị Kim L và bà L đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân Nguyễn T nhưng ông vẫn là người chịu trách nhiệm chính trong việc vận hành của doanh nghiệp về nguồn vốn, nhập xuất nhiên liệu cùng với liên hệ giao dịch với đối tác, khách hàng trong hoạt động kinh doanh.

Ngày 31/7/2016, ông có đến gặp bà T để thương lượng hình thức trả nợ và chốt lại số tiền nợ mà bà T vẫn còn nợ lại tiền mua xăng dầu của doanh nghiệp tư nhân Nguyễn T và bà T có viết Giấy xác nhận nợ số tiền 296.317.350đ.

Kể từ thời điểm bà T ký giấy xác nhận nợ, bà T không thực hiện đúng như cam kết và hứa hẹn nhiều lần hoặc trốn tránh không gặp mặt, gây khó khăn rất nhiều cho ông trong quá trình thu hồi nợ.

Ngày 16/6/2022 bà Phan Thị Kim L – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn T khởi kiện bà Trần Thị Thu T cùng chồng ông Nguyễn Văn L phải trả số tiền còn thiếu là 296.317.350đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 31/7/2016 cho đến ngày Tòa án xét xử.

*** *Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 129/2022/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang quyết định:***

1. Buộc bà Trần Thị Thu T, ông Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền mua xăng dầu gốc và lãi là 378.998.276 đồng (trong đó tiền gốc là 286.317.350đ, tiền lãi là 92.680.926 đồng) cho bà Phan Thị Kim L - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn T.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2022/QĐ-ADBPCTT, ngày 01/7/2022 về việc Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ bà Trần Thị Thu T, ông Nguyễn Văn L là quyền sử dụng đất với diện tích đất 2.125,00m² thuộc thửa 112 - Cl, 112- C, tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại: khu phố X, thị trấn K, huyện K, Kiên Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 039818, được Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 19/7/2004 do bà Trần Thị Thu T đứng tên để đảm bảo cho việc thi hành án cho đến khi có quyết định khác thay thế.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 01/2022/QĐ-BPBD ngày 30/6/2022 với số tiền 59.300.000đ cho đến khi bản án đã được thi hành xong thì bà L – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn T liên hệ Tòa án nhận lại số tiền này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, lãi suất chậm thi hành án và bảo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

*** *Ngày 30/12/2022, bị đơn bà Trần Thị Thu T kháng cáo với nội dung:*** Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, bị đơn chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc là 286.317.350 đồng và xin trả dần mỗi tháng 4.000.000đ cho đến khi trả hết nợ, không đồng ý trả số tiền lãi.

*** *Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Bà Nguyễn Thị Ngọc T1 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn C yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K.

Bị đơn bà Trần Thị Thu T chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 286.317.350 đồng, và xin trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng đến khi hết nợ, không đồng ý trả iền lãi cho nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị D thống nhất theo yêu cầu của bị đơn bà T, chị không có yêu cầu gì khác.

- Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thu T. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 129/2022/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang về phần cho nguyên đơn bà Phan Thị Kim L - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn T được nhận lại số tiền 59.300.000 theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 01/2022/QĐ-BPBD ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện K.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tranh luận của đương sự và ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn C (chồng bà L) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chết vào ngày 09/3/2023, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C gồm có vợ ông C là bà Phan Thị Kim L, con của ông C là chị Nguyễn Thị Kim N, anh Nguyễn Tấn T đều ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Ngọc T1 tham gia tố tụng. Ngoài ra chị N và anh T có tờ tường trình là xin Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt anh, chị, về nội dung thì thống nhất theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K và thống nhất theo ý kiến trình bày và yêu cầu của bà L mẹ của anh chị, (thông qua người được ủy quyền là bà Nguyễn Thị Ngọc T1), anh chị không có yêu cầu gì khác; ông Nguyễn Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt ông L theo khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thu T: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, bị đơn chỉ đồng ý trả số tiền nợ là 286.317.350 đồng và xin trả dần mỗi tháng 4.000.000đ cho đến khi trả hết nợ, không đồng ý trả số tiền lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Phan Thị Kim L - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn T và bị đơn bà Trần Thị Thu T và ông Nguyễn Văn L đều thống nhất trình bày giữa bà L và bà T có mối quan hệ mua bán với nhau, bà L kinh doanh xăng dầu và bà T, ông L có đánh bắt hải sản. Do đó bà T liên hệ mua nhiên liệu cụ thể là xăng, dầu để sử dụng cho các phương tiện đánh bắt hải sản, mua bán với hình thức gói đầu bà T có mua nhiên liệu tính đến ngày 28/9/2019 bà T, ông L còn nợ bà L số tiền gốc là: 286.317.350 đồng.

[2.2] Xét giao dịch mua bán nhiên liệu giữa nguyên đơn bà Phan Thị Kim L – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn T với bị đơn bà Trần Thị Thu T và ông Nguyễn

Văn L là hoàn toàn tự nguyện. Các bên đều thừa nhận đến ngày 28/9/2019 bà Trần Thị Thu T và ông Nguyễn Văn L còn nợ nguyên đơn bà Phan Thị Kim L - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn T số tiền nợ gốc là 286.317.350 đồng. Cấp sơ thẩm buộc Trần Thị Thu T, ông Nguyễn Văn L phải trả nợ cho nguyên đơn bà Phan Thị Kim L - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn T số tiền nợ vốn gốc là 286.317.350 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[2.3] Về phần lãi suất:

[2.3.1] Xét yêu cầu xin không tính lãi của bà Trần Thị Thu T, ông Nguyễn Văn L là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.3.2] Xét thấy phần tính lãi cấp sơ thẩm tính lãi đối với số tiền gốc 286.317.350 đồng là có căn cứ. Bởi vì tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà L yêu cầu tính lãi từ ngày 28/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 3, Điều 440 của Bộ luật Dân sự. Do bà T ông L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền nên phải trả lãi trên số tiền chậm trả, các đương sự không có thỏa thuận mức lãi suất nên áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự để xác định mức lãi suất 10%/năm là phù hợp, thời gian chậm trả tính từ ngày 28/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 39 tháng. Lãi được tính như sau: $[286.317.350 \text{ đồng} \times (10\% : 12 \text{ tháng}) \times 39 \text{ tháng}] = 92.680.926 \text{ đồng}$.

[2.4] Tổng cộng buộc bị đơn bà Trần Thị Thu T, ông Nguyễn Văn L phải trả cho nguyên đơn bà Phan Thị Kim L – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn T số tiền nợ vốn gốc 286.317.350 đồng và lãi là 92.680.926 đồng, tổng cộng vốn gốc và lãi là 378.998.276 đồng.

[2.5] Xét yêu cầu xin trả dần của bị đơn bà Trần Thị Thu T xin trả số tiền gốc là 286.317.350 đồng và trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được nguyên đơn bà Phan Thị Kim L - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn T chấp nhận, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại mục 1, phần II, Thông Tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án tài sản có quy định: “*Tòa án không ấn định trong bản án, Quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành*”. Do đó, việc bà T xin trả dần nợ cho nguyên đơn bà L với hình thức nêu trên là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Xét thấy cấp sơ thẩm quyết định tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2022/QĐ-ADBPKCTT, ngày 01/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện K là có căn cứ. Tuy nhiên Tòa sơ thẩm quyết định: “*Tiếp tục duy trì Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 01/2022/QĐ-BPBD ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện K với số tiền 59.300.000đ cho đến khi bản án đã được thi hành xong thì bà L - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn T liên hệ Tòa án nhận lại số tiền này*” là chưa phù hợp. Nên Hội đồng xét xử thống nhất sửa lại phần này như sau:

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số:

07/2022/QĐ-ADBPCTT, ngày 01/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang. Bà Phan Thị Kim L - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn T được nhận lại số tiền 59.300.000 đồng (Năm mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng) vào tài khoản của Tòa án nhân dân huyện K số 120000102060 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – chi nhánh Kiên Giang, theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 01/2022/QĐ-BPBD ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện K. (khi án có hiệu lực bà Phan Thị Kim L - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn T liên hệ với Tòa án nhân dân huyện K để nhận lại số tiền nói trên).

Từ những căn cứ nhận định nêu trên, trong thảo luận nghị án Hội đồng xét xử thống nhất, chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thu T, sửa bản dân sự sơ thẩm số: 129/2022/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn bà Trần Thị Thu T, ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 18.949.914 đồng, được làm tròn là 18.949.900 đồng (Mười tám triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, chín trăm đồng).

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Phan Thị Kim L - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.407.933đ (Bảy triệu, bốn trăm lẻ bảy nghìn, chín trăm ba mươi ba đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0009054 ngày 17/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bị đơn bà Trần Thị Thu T phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0009278 ngày 03/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thu T.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 129/2022/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và các Điều 357, 430, 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 144; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Thông Tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư Pháp, Bộ Tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án tài sản.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Trần Thị Thu T và ông Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền mua xăng dầu gốc và lãi là 378.998.276 đồng (Ba trăm bảy mươi tám triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, hai trăm bảy mươi sáu đồng), trong đó tiền gốc là 286.317.350đ, tiền lãi là 92.680.926 đồng cho bà Phan Thị Kim L - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn T.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2022/QĐ-ADBPKCTT, ngày 01/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang. Bà Phan Thị Kim L - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn T được nhận lại số tiền 59.300.000 đồng (Năm mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng) vào tài khoản của Tòa án nhân dân huyện K số 120000102060 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Kiên Giang, theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 01/2022/QĐ-BPBD ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện K. (Khi án có hiệu lực bà L - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn T liên hệ Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang để nhận lại số tiền này).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về chi phí tố tụng:

Hoàn lại cho nguyên đơn bà Phan Thị Kim L - Chủ doanh nghiệp tư nhân Nguyễn T số tiền tạm ứng chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ đã nộp là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo giấy nộp tiền ngày 26/7/2022. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bà Phan Thị Kim L - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn T liên hệ Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang để nhận lại số tiền này.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bị đơn bà Trần Thị Thu T, ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 18.949.900 đồng (Mười tám triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, chín trăm đồng).

- Hoàn lại cho nguyên đơn bà Phan Thị Kim L - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.407.933đ (Bảy triệu, bốn trăm lẻ bảy nghìn, chín trăm ba mươi ba đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009054 ngày 17/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bị đơn bà Trần Thị Thu T phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0009278 ngày 03/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhiên